

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HS-ST
Ngày 17-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quân Vương

Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc D;

Bà Trương Thị Thu Hà;

Bà Trần Thị Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Lê Huy Nghĩa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 17 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 147/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh năm 1997 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: xã C1, huyện C2, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: khu phố C3, phường C4, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; tiền án, tiền sự: không; con ông Nguyễn Văn C5 và bà Nguyễn Thị N; bị cáo có vợ tên Lưu Thị C6 và 01 con; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2021 cho đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Quốc D, sinh năm 1978 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; tiền án, tiền sự: không; con ông Nguyễn Anh D1 (đã chết) và bà Phạm Thị D2; bị cáo có vợ tên Huỳnh Thị Mai P và 03 con; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Bị hại: Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng B; địa chỉ, phường B1, thành phố B2, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn

Thị B3, sinh năm 1983; địa chỉ phường B1, thành phố B2, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Văn C:* Ông Võ Trọng C7 là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc D:* Ông Nguyễn Quang D3, luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị Mai P, sinh năm 1976; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978; nơi cư trú: xã C1, huyện C2, tỉnh Đồng Tháp, có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1988, nơi cư trú: phường C4, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng B (viết tắt là Công ty B), địa chỉ: phường B1, thành phố B2, tỉnh Bình Dương, do ông Nguyễn Tấn E làm Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

Cửa hàng U, địa chỉ: phường C4, thành phố T, tỉnh Bình Dương là Chi nhánh của Công ty B, do bà Nguyễn Thị Thùy L làm Giám đốc, kinh doanh các loại bia, nước ngọt, nước giải khát...

Nguyễn Văn C làm Thủ kho tại cửa hàng U từ ngày 01/12/2017 đến ngày 25/11/2020. Nhiệm vụ của C là quản lý kho hàng, nhập hàng và xuất hàng của cửa hàng U.

Quy trình bán hàng, xuất kho của cửa hàng U như sau: khách đến mua hàng (bia, nước ngọt...) phải liên hệ với bộ phận Văn phòng cửa hàng đặt số lượng cần mua. Nhân viên kế toán viết phiếu xuất kho, ghi rõ số lượng hàng hóa và số tiền phải thanh toán. Khách mua hàng thanh toán tiền cho nhân viên kế toán tại Văn phòng cửa hàng, sau đó cầm phiếu xuất kho đi vào bên trong kho hàng gặp Thủ kho là Nguyễn Văn C để nhận hàng.

C nhận phiếu xuất kho kiểm tra số lượng và yêu cầu lái xe nâng dỡ hàng xuống cho khách tự bốc lên xe (hoặc nâng lên xe cho khách). Sau đó, C kiểm tra lại hàng hóa đủ số lượng, đúng chủng loại theo phiếu xuất kho thì khách hàng được phép vận chuyển hàng rời khỏi kho.

Tạp hóa M, địa chỉ thành phố T, tỉnh Bình Dương do bà Huỳnh Thị Mai P, sinh năm 1976, nơi cư trú: thành phố T, tỉnh Bình Dương làm chủ. Nguyễn Quốc D là chồng của bà P. Từ năm 2016, Nguyễn Quốc D thường đến mua bia tại cửa hàng U nên quen biết Nguyễn Văn C. Nguyễn Quốc D biết rõ quy trình mua bán hàng, xuất kho của cửa hàng U.

Quá trình làm việc tại cửa hàng U, khoảng tháng 7/2020 do nhân sự của cửa hàng U có nhiều thay đổi: Bà L (Giám đốc cửa hàng) nghỉ thai sản, nhân viên kế toán tổng hợp làm kiêm nhiệm, việc kiểm kê kho hàng không được thực hiện nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt bia trong kho do mình quản lý để bán cho Nguyễn Quốc D lấy tiền tiêu xài. C thỏa thuận bán bia cho D với giá 310.000 đồng/thùng bia Tiger và 210.000 đồng/thùng bia Sài Gòn Lager.

Khi muốn chiếm đoạt bia bán của cửa hàng U, C gọi điện thoại báo trước cho D biết số lượng bia, loại bia để D chuẩn bị tiền. Cũng có khi, D chủ động gọi điện thoại hỏi C có bia để bán không để chuẩn bị tiền. D thường chuẩn bị một khoản tiền trả cho C riêng, bỏ vào vỏ bao thuốc lá để đưa cho C.

Khi đến cửa hàng U mua bia, D đến bộ phận Văn phòng đặt mua số lượng bia, loại bia và nộp tiền cho kế toán bán hàng. Tiếp đó, D cầm phiếu xuất kho đến kho bia đưa cho C. Căn cứ vào số lượng, loại bia mà D mua được ghi trên phiếu xuất kho và số lượng, loại bia mà C chiếm đoạt bán cho D, C báo tổng số lượng bia, loại bia cần xuất cho tài xế xe nâng để nâng hạ các ba lết bia xuống, D tự bốc bia lên xe ba bánh của D. Khi thấy vắng người, D lấy bao thuốc lá bên trong có tiền đưa trực tiếp cho C hoặc bỏ trên thùng xe ba bánh, trên palet bia...để C đến lấy. C kiểm tra lại số lượng bia trên xe và để D điều khiển xe rời đi.

Một số phiếu xuất kho C chỉnh sửa bằng cách ghi tăng thêm số lượng bia để ghi nhớ số lượng bia chiếm đoạt bán cho D. Để tránh bị phát hiện, C chỉnh sửa giảm số liệu nhập vào trên máy tính (số giảm bằng số bia chiếm đoạt), sau đó in phiếu tồn kho (chỉ thể hiện số hàng còn tồn trong kho) giao cho bộ phận kế toán của cửa hàng. Khoảng 03 ngày, C chỉnh sửa số liệu nhập vào đúng theo hóa đơn nhập kho, in thẻ kho chi tiết và giao lại cho bộ phận kế toán để theo dõi.

Đến ngày 21/11/2020, bà Nguyễn Thị Thùy L cùng nhân viên cửa hàng U tiến hành kiểm kê kho hàng, phát hiện số bia thực tế thiếu hụt bia so với số liệu báo cáo. Qua kiểm tra hình ảnh camera an ninh và phiếu xuất kho cho Tập hóa M thì phát hiện C có hành vi chiếm đoạt bia trong kho bán cho Nguyễn Quốc D. Đại diện Công ty B làm việc với C thì C thừa nhận hành vi của mình và nộp lại số tiền 140.000.000 đồng cho Công ty. Ngày 25/11/2020, Công ty B nộp đơn tố cáo hành vi của Nguyễn Văn C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương.

Quá trình điều tra xác định từ ngày 25/9/2020 đến ngày 21/11/2020, C đã chiếm đoạt bia của Công ty B bán cho Nguyễn Quốc D (Tập hóa M) với tổng số lượng gồm 1.800 thùng bia Tiger (loại thùng 24 lon, 330ml/lon) và 640 thùng bia Sài Gòn Lager (loại thùng 24 lon, 330ml/lon).

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn C khai khi bán bia cho Nguyễn Quốc D thì C không nói cho D biết bia là do C chiếm đoạt của Công ty B. Nguyễn Quốc D khai D không hỏi rõ về nguồn gốc bia mua của C, D nghĩ đây là bia do tài xế xe tải nhập vào dự và gửi nhờ C bán giùm nên đồng ý mua. Tuy nhiên, việc D mua bia của C không tuân thủ đúng quy trình mua bán bia của cửa hàng U, việc giao nhận tiền một cách lén lút. Số lượng bia C bán cho D là rất lớn, nhiều hơn số bia D mua của cửa hàng U, diễn ra liên tục trong thời gian dài. Mặt khác, C lấy bia để trong kho của Cửa hàng U bán cho D, số bia này để chung với số bia của cửa hàng D mua

theo phiếu xuất kho, không có sự tách biệt. Do đó, có đủ căn cứ xác định Nguyễn Quốc D biết rõ nguồn gốc bia mua của Nguyễn Văn C là do C chiếm đoạt của Công ty B.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 895/KL-HĐĐGTS ngày 14/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Dương xác định giá bia như sau: 01 thùng bia Sài Gòn Lager trị giá 222.222 đồng; 01 thùng bia Tiger trị giá 323.000 đồng.

Như vậy, 640 thùng bia Sài Gòn Lager trị giá là 142.22.080 đồng; 1.800 thùng bia Tiger trị giá là 581.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn C chiếm đoạt của Công ty B là 723.622.080 đồng (Bảy trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, không trăm tám mươi đồng).

- Vật chứng thu giữ:

+ 01 (một) điện thoại di động ghi nhãn hiệu SAMSUNG, số IMEI 357843/23/058623/4, màu xanh của Nguyễn Văn C;

+ 02 (hai) USB ghi nhãn hiệu “SanDisk”, màu xanh dương, dung lượng 32GB chứa video từ camera an ninh của Công ty B;

+ 01 ổ cứng hiệu Segate, dung lượng 3000GB;

Cáo trạng số 147/CT-VKS.P2 ngày 08/11/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Quốc D về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung: giữ nguyên quyết định cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo; đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Chính từ 10 năm đến 12 năm tù. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo D từ 02 năm đến 03 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bà Nguyễn Thị N (mẹ của C) nộp 200.000.000 đồng, Nguyễn Quốc D nộp 31.222.080 đồng là tiền thu lợi bất chính vào tài khoản của Cơ quan điều tra tại Kho bạc nhà nước tỉnh Bình Dương để bồi thường cho Công ty B. Bà Nguyễn Thị B3 là đại diện theo ủy quyền của Công ty B còn yêu cầu C bồi thường số tiền 383.622.080 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) điện thoại di động ghi nhãn hiệu SAMSUNG, số IMEI 357843/23/058623/4, màu xanh của Nguyễn Văn C;

+ 02 (hai) USB ghi nhãn hiệu “SanDisk”, màu xanh dương, dung lượng 32GB chứa video từ camera an ninh của Công ty B;

+ 01 ổ cứng hiệu Segate, dung lượng 3000GB;

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C trình bày bào chữa: Đề nghị xem xét quy trình xuất nhập hàng của công ty là đúng quy định hay không. Nên cần làm rõ trách nhiệm của chủ sở hữu, xem xét lại sức chứa của cửa hàng với số lượng tham ô có phù hợp hay không để là rõ thiệt hại thực tế.

Đề nghị xem xét nhiều tình tiết giảm nhẹ: tình tiết như xuất thân lạc hậu, học vấn thấp, nhân thân tốt và mức án nhẹ nhất cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc D trình bày bào chữa: Bị cáo D không biết số tài sản mua là của bị cáo C là do tham ô, nếu bị cáo D biết tài sản do tham ô thì cần xác định tội danh cho phù hợp là tội tiêu thụ tài sản do phạm tội hay tội tham ô; bị cáo C nói với D bia do lái xe gửi để bán thêm, D tin lời khai của C mới mua bia. Nếu D biết tài sản do phạm tội mà có thì giá mua sẽ thấp hơn nhiều so với giá đã mua của C. Nếu có vai trò đồng phạm thì phải xác định có hành vi giúp sức C để thực hiện. Lời khai của D đã xác định nếu biết tài sản do C phạm tội thì không mua. Hội đồng xét xử có quyền suy đoán nhưng nếu suy đoán theo hướng bất lợi cho bị cáo thì không được chấp nhận; C không yêu cầu D đưa tiền lên lót mà việc được tiền lên lót là do D tự ý lên lót đưa vì sợ mất mỗi hàng rẻ; trong các văn bản hướng dẫn về giải quyết án hình sự xác định dấu hiệu đồng phạm thì đồng phạm buộc phải biết; bằng nhận thức bình thường phải biết tài sản do phạm tội mà có thì D không thể biết được tài sản C bán do phạm tội mà có.

Theo Giấy khám sức khỏe tâm thần của D là chứng cứ mới thể hiện khả năng nhận thức hành vi của D kém, bản thân không thể nhận thức được việc mua hàng của C là do tham ô. Đối với quản lý hàng đồng loại chỉ có thể quản lý về số lượng, các thùng bia không cần phải phân chia bia nào là do phạm tội, bia nào là mua của công ty.

Nếu D biết C lấy hàng công ty, nhưng công ty chỉ kiểm soát hàng trước khi giao hàng thì việc hoàn thành tội phạm là khi C giao hàng cho D. Như vậy, nếu D có hành vi phạm tội thì phải là tội Tiêu thụ tài sản người khác phạm tội mà có, không có căn cứ xác định đồng phạm tội tham ô, mặt khác D có năng lực hành vi rất hạn chế. Do đó trường hợp cho rằng D có tội đề nghị giảm nhẹ tối đa hình phạt cho D.

Bị cáo C tranh luận: thống nhất quan điểm của người bào chữa.

Bị cáo D tranh luận: thống nhất quan điểm của người bào chữa.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tổ tụng: các hành vi của Điều tra viên, quyết định tổ tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân

tỉnh Bình Dương, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người bào chữa cho các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Quốc D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố đối với các bị cáo. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác tại hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Văn C là thủ kho của cửa hàng U thuộc Công ty B. C có nhiệm vụ quản lý hàng hóa là bia, nước ngọt, nước giải khát trong kho của cửa hàng U ở số phường C4, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Từ ngày 25/9/2020 đến ngày 21/11/2020, C đã chiếm đoạt 1.800 thùng bia Tiger và 640 thùng bia Sài Gòn Lager trong kho của cửa hàng U do C quản lý, bán cho Nguyễn Quốc D lấy tiền tiêu xài. Tổng giá trị tài sản mà C chiếm đoạt của Công ty B là 723.622.080 đồng (bảy trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, không trăm tám mươi đồng). Nguyễn Quốc D mua 1.800 thùng bia Tiger và 640 thùng bia Sài Gòn Lager của Nguyễn Văn C không tuân thủ đúng quy trình mua bán bia của cửa hàng U, việc giao nhận tiền một cách lén lút. Số lượng bia C bán cho D là rất lớn, nhiều hơn số bia D mua của cửa hàng U, diễn ra liên tục trong thời gian dài. Mặt khác, C lấy bia để trong kho của Cửa hàng U bán cho D, số bia này để chung với số bia của cửa hàng D mua theo phiếu xuất kho, không có sự tách biệt. Do đó, có đủ căn cứ xác định Nguyễn Quốc D biết rõ nguồn gốc bia mua của Nguyễn Văn C là do C chiếm đoạt của Công ty B. Nguyễn Quốc D giữ vai trò là đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Văn C. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Quốc D, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo phạm tội với tội danh và Điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo C là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, bị cáo C biết hành vi lợi dụng chức vụ và quyền hạn của mình là thủ kho, có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty B nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi chiếm đoạt là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm, bất chấp hậu quả xảy ra; bị cáo D biết bị cáo C chiếm đoạt tài sản của Công ty B nhưng vẫn giúp sức bị cáo C thông qua việc mua tài sản chiếm đoạt ngay tại cửa hàng U. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm nhằm có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: các bị cáo phạm tội nhiều lần.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Trong quá trình điều tra các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo C nộp lại một phần tiền và tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; bị cáo D nộp lại tiền thu lợi bất chính, tại phiên tòa, gia đình bị cáo cung cấp Giấy khám sức khỏe tâm thần do Bệnh viện tâm thần Trung ương 2 kết luận bị cáo D bị chậm phát triển tâm thần trung bình.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về tội danh, Điều luật, các tình tiết giảm nhẹ và hình phạt là phù hợp, có căn cứ chấp nhận. Đối với bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tham gia với vai trò đồng phạm, bị cáo có học vấn thấp và bị chậm phát triển tâm thần trung bình nên nhận thức pháp luật hạn chế, xét thấy việc không cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian không làm ảnh hưởng đến việc phòng chống tội phạm tại địa phương cần tạo điều kiện cho bị cáo D tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú là đủ.

[7] Ý kiến của người bào chữa cho hai bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền còn lại, xét bị cáo C là người chiếm đoạt tài sản của bị hại và hưởng toàn bộ tiền, bị cáo D mua lại để bán kiếm lời và đã nộp lại tiền thu lợi bất chính nên cần buộc bị cáo C phải bồi thường số tiền còn lại cho bị hại. Bị cáo C đã nộp lại cho Công ty 140.000.000 đồng và gia đình bị cáo C nộp 200.000.000 đồng, số còn lại 383.622.080 đồng cần buộc bị cáo C tiếp tục bồi thường. Đối với tiền thu lợi bất chính bị cáo D nộp lại cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[9] Về xử lý vật chứng trong vụ án: Đối với 01 (một) điện thoại di động ghi nhãn hiệu SAMSUNG, số IMEI 357843/23/058623/4, màu xanh của Nguyễn Văn C sử dụng làm phương tiện phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước. Đối với 02 (hai) USB ghi nhãn hiệu “SanDisk”, màu xanh dương, dung lượng 32GB chứa video từ camera an ninh của Công ty B và 01 ổ cứng hiệu Seagate, dung lượng 3000GB là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo được đánh bết lục và lưu trong hồ sơ vụ án.

[10] Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Quốc D phạm tội “Tham ô tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng khoản 3 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 11 (mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/4/2021.

2.2 Áp dụng khoản 3 Điều 353; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Quốc D về cho Ủy ban nhân dân phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Quốc D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn C tiếp tục bồi thường cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng B 383.622.080 đồng.

- Công ty Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng B có quyền liên hệ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương nhận 200.000.000 đồng theo ủy nhiệm chi lập ngày 06/9/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 31.222.080 đồng và 01 (một) điện thoại di động ghi nhãn hiệu SAMSUNG, số IMEI 357843/23/058623/4, màu xanh.

(Theo Ủy nhiệm chi ngày 06/9/2022 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/9/2022 giữa Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương với Cơ quan cảnh sát điều tra tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Quốc D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp 19.181.104 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PC03 - Công an tỉnh Bình Dương (2);
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (2);
- Người tham gia tố tụng (2);
- UBND cấp xã nơi các bị cáo cư trú (2);
- Trại Tạm giam-Công an tỉnh BD (2);
- Phòng KTNV và THA (6);
- Tổ Hành chính tư pháp (2);
- Lưu: hồ sơ vụ án, PTMD, 30.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Quân Vương